

高等学校越语专业系列教材 >>>

大学越语 口语教程

主 编 [越] 范金宁



重庆大学出版社

<http://www.cqup.com.cn>

大学越语 口语教程

主 编:[越]范金宁

编 者:黄华宪 李桂芳 梁姗姗

[越]阮越方 阮氏香江

审 校:祝仰修

重庆大学出版社

内容提要

《大学越语口语教程》共分10课,涵盖了日常生活、文化教育、国情民俗、休闲娱乐、文学艺术等多个方面。除了两课复习课之外,每课都分为主题会话、阅读与练习、语法知识、综合练习、课外阅读与练习、开心一刻等多个部分。为了满足初学者的需要,1—4课的主题会话还配有中文译文。本书适用的教学对象为越语专业二年级学生,但因每课的主题会话和复习课(第5课和第10课)比较简单,也可分离出来,在一年级下学期使用。

图书在版编目(CIP)数据

大学越语口语教程 / 范金宁主编. — 重庆: 重庆大学出版社, 2010.2
(高等学校越语专业系列教材)
ISBN 978-7-5624-5215-7

I. ①大… II. ①范… III. 越南语—口语—高等学校—教材 IV. ①H449.4

中国版本图书馆CIP数据核字(2009)第223487号

高等学校越语专业系列教材

大学越语口语教程

主编 [越]范金宁

责任编辑: 牟妮 版式设计: 牟妮
责任校对: 邹忌 责任印制: 赵晟

重庆大学出版社出版发行

出版人: 张鸽盛

社址: 重庆市沙坪坝正街174号重庆大学(A区)内

邮编: 400030

电话: (023) 65102378 65105781

传真: (023) 65103686 65105565

网址: <http://www.cqup.com.cn>

邮箱: fxk@cqup.com.cn (营销中心)

全国新华书店经销

自贡新华印刷厂印刷

*

开本: 787×960 1/16 印张: 10.75 字数: 204千

2010年2月第1版 2010年2月第1次印刷

印数: 1—3 000

ISBN 978-7-5624-5215-7 定价: 23.00元

本书如有印刷、装订等质量问题,本社负责调换
版权所有,请勿擅自翻印和用本书
制作各类出版物及配套用书,违者必究

前 言

《大学越语口语教程》由拥有多年对外越语教学理论和实践经验的越南专家和奋斗在教学第一线的中越青年教师合作编写。全书共分10课，涵盖了日常生活、文化教育、国情民俗、休闲娱乐、文学艺术等多个方面。除了两课复习课之外，每课都分为主题会话、阅读与练习、语法知识、综合练习、课外阅读与练习、开心一刻等多个部分。为了满足初学者的需要，1—4课的主题会话还配有中文译文。

根据中国学生学说越南语的实际需要和参编者的口语教学经验，本书进行了以下尝试：

1. 采取大篇幅、多内容的编排方式，安排丰富多彩的口语练习内容，避免学生产生厌倦情绪。

2. 致力于口语能力的全面培养和提高，除了主题会话之外，还有设问与回答、场景表述、课文理解、正误判断等项目内容。

3. 以阅读加强口语训练，通过文章学说话，力求突破以往教学口语会话内容不能深入的局限性。

4. 练习量大，练习题设计巧妙，适当加强练习答案的隐蔽性，使学生不掌握所学内容、不动脑分析就无法完成。

5. 进行愉快学习的尝试，每课都有“开心一刻”栏目，通过笑话学越语、用越语。

6. 适用面宽，既有课堂讲练内容，又有课外自学提高内容；既可在初级阶段使用，又可在提高阶段使用；既可用作教科书，又可用作自学提高的参考书。

本书适用的教学对象为越语专业二年级学生，但因每课的主题会话和复习课（第5课和第10课）比较简单，也可分离出来，在一年级下学期使用。

《大学越语口语教程》由曾经获得前苏联语言学博士学位的越南河内大学退休资深教师范金宁副教授主编，广西师范大学漓江学院外语系越南语专业教师

黄华宪、李桂芳、梁姗姗和越籍教师阮越方及越南河内国家大学国际学院阮氏香江参加了编写。在编写过程中，我们还得到了广西师范大学漓江学院暨外语系领导的大力支持，得到了重庆大学出版社外语分社的严密指导，在此表示衷心感谢。祝仰修教授对本书进行了仔细校阅，提出了修改意见，在此一并表示感谢。

由于编写者水平和经验的限制，书中诸多不足之处在所难免，诚请同行专家和读者批评指正。

编 者

2009年6月于桂林

MỤC LỤC

目 录

BÀI 1	BẢN THÂN, GIA ĐÌNH VÀ CÔNG VIỆC GIA ĐÌNH	1
BÀI 2	HỌC TẬP, CÔNG VIỆC	14
BÀI 3	HỆ THỐNG GIÁO DỤC	37
BÀI 4	VIỆT NAM—ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI	58
BÀI 5	ÔN TẬP (1—4)	85
BÀI 6	THÀNH PHỐ VIỆT NAM	89
BÀI 7	PHONG TỤC, TRUYỀN THỐNG, LỄ HỘI	105
BÀI 8	VĂN HÓA, DU LỊCH, GIẢI TRÍ, DỊCH VỤ	121
BÀI 9	VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT	140
BÀI 10	ÔN TẬP (6—9)	158

BÀI

1

BẢN THÂN, GIA ĐÌNH VÀ CÔNG VIỆC GIA ĐÌNH

个人、家庭和家事

HỘI THOẠI

Vinh: Chào Lan, cậu đi đâu đấy?

阿荣: 阿兰, 你好, 你去哪儿?

Lan: A Vinh, chào cậu! Mình đi ăn cưới bà chị họ. Hôm nay là ngày cưới của chị ấy.

阿兰: 啊, 阿荣啊, 你好! 我去参加表姐的婚礼。今天是她结婚的日子。

Vinh: Ồ, Chúc mừng nhé! Đây là chị Vân phải không?

阿荣: 哦, 恭喜! 那是云姐吧?

Lan: Vinh biết chị ấy à?

阿兰: 你知道她啊?

Vinh: Tất nhiên rồi. Mình đã gặp chị ấy mấy lần ở nhà cậu rồi mà. Nhớ không nào?

阿荣: 当然了。我在你家见过她几次, 还记得吗?

Lan: À ừ, nhớ ra rồi!

阿兰: 啊, 想起来了。

Vinh: Chị Vân năm nay bao nhiêu rồi nhỉ? Theo mình nhớ thì chị ấy nom rất trẻ cơ mà.

阿荣: 云姐今年多大了? 在我印象里她看起来很年轻嘛。

Lan: Trẻ đâu mà! Chị ấy đã 28 tuổi rồi còn gì. Mình kém chị ấy 4 tuổi cơ mà.

阿兰：哪里还年轻啊！她都28岁了！我比她小4岁嘛！

Vinh: 28 cơ à? Thế mà mình nghĩ chị ấy chỉ khoảng ngoài 20 thôi. Thế chị ấy lấy ai vậy?

阿荣：28了啊？我还以为她才20开外而已。那她是嫁给谁呢？

Lan: Lấy một anh đồng nghiệp. Cả hai anh chị ấy đang giảng dạy ở trường Đại học Hà Nội. Anh Hậu là người rất hay đấy. Thực ra mình cũng chỉ mới gặp anh ấy một đôi lần thôi.

阿兰：嫁给一个同事。他们俩都在河内大学教书。阿厚人很好。其实我也只见过他几次罢了。

Vinh: Đám cưới tổ chức ở đâu vậy, Lan?

阿荣：婚礼在哪里举行呢，阿兰？

Lan: Ở nhà hàng “Vạn Tuế 2” Vinh ạ. Tất cả họ hàng nhà mình đều đi cả. Vinh có biết không, thậm chí cả bà nội cũng đến đấy. Bà nói, chỉ cần nhìn mọi người một chút rồi sau đó nhắm mắt xuôi tay cũng yên lòng.

阿兰：在“万岁II”酒店。我家所有的亲戚都去参加。你知道吗？就连我奶奶也要去呢。她说，只要看看大家，日后就是死了也安心了。

Vinh: Lan này, bà cậu có bao nhiêu cháu rồi nhỉ?

阿荣：阿兰，你奶奶有多少个孙子(女)呢？

Lan: Bao nhiêu ấy à? Để mình nhớ ra đã. Bố mẹ có 3 chúng mình: mình và hai anh trai nữa.

阿兰：多少个啊？让我先想想。我父母有我们三个孩子：我和两个哥哥。

Vinh: Cậu có anh trai à? Sao mình chưa gặp các anh ấy nhỉ?

阿荣：你有哥哥啊？我怎么没见过他们呢？

Lan: Chưa gặp là phải. Các anh ấy đều có gia đình và ra ở riêng từ lâu rồi. Anh Hùng lớn hơn mình 5 tuổi. Xem nào, bây giờ là năm 2009 nhỉ? Đúng rồi, anh Hùng năm nay 28 tuổi. Nghĩa là anh ấy sinh năm 1981. Mà anh Hoà còn nhiều tuổi hơn anh Hùng những 2 năm cơ.

阿兰：是没遇到过。他们都已经成家并且分家单过很久了。雄哥比我大5岁。你看，今年是2009年了吧？对，他今年28岁。他是1981年出生的。而和哥比雄哥还大两岁呢。

Vinh: Thế nghĩa là bà của Lan có cháu là 3 anh em cậu và cả chị Vân nữa.

阿荣: 这么说你奶奶的孙辈就你们哥仨和云姐了。

Lan: Đầu mà, xem nào! Bác trai mình có 2 con gái. Chị Vân là con cả. Còn chị Hồng kém chị ấy 4 tuổi. Đây, tất cả cháu của bà nội mình chỉ có bấy nhiêu thôi!

阿兰: 不对! 你看, 我伯父有两个女儿, 云姐是老大, 还有红姐比她小4岁。
嗯, 我奶奶所有的孙子(女)就那么多了。

TỪ VỰNG

ăn cưới	喝喜酒	nhắm mắt xuôi tay	眼一闭, 腿一蹬
lấy (vợ, chồng)	结婚(娶妻, 嫁人)		(喻死亡), 瞑目
chúc mừng	祝贺, 恭喜	nhớ ra	想起
nom	看, 观望; 看望	chưa bao giờ	从未
đồng nghiệp	同事	gặp	遇见, 碰面
thực ra	实际上, 其实	ra ở riêng	分家另过
tổ chức	组织, 举行	lớn (bé) hơn	比……大(小)
họ hàng	亲戚	nghĩa là	意思是
bà (nội, ngoại)	奶奶, 外婆	(cháu) con trai	孙子
nhìn (ai)	睹, 顾, 盼, 张, 瞧, 觑, 视, 探 望, 溜, 瞰, 观, 看, 瞅, 睇	(cháu) con gái	孙女
		bấy nhiêu	那么多, 更加, 越发
		tất cả (là)	所有

NGŨ PHÁP VÀ CHÚ THÍCH

1. mà 的用法: 这是一个语气词, 通常用于句尾, 表示不同意他人意见或者进行解释、辩解, 相当于汉语的“嘛”。例如:

Sao cậu nói nhiều thế? Mình đã hiểu rồi mà.

Mình phải đi dự chứ, đám cưới của chị Lan mà.

mà有两个变体cơ mà和đâu mà:

1) cơ mà: 放在陈述句句尾, 表示强调和肯定的语气, 适用于口语对话, 相当于汉语的“嘛”。例如:

Mình kém chị ấy 4 tuổi cơ mà.

2) đâu mà: 可以放在句首, 用于否定之前提到的信息, 相当于汉语的“哪里是这样、不对”。例如:

— Hôm qua bạn đi chơi công viên với người yêu phải không?

— Có người nói thế.

— Đâu mà, đây là cô em họ mình đây.

2. thôi: 语气词, 主要有以下两种用法:

1) 表示强调, 对刚刚提及的事情的范围、程度进行限制, 相当于汉语的“仅此而已, 没有别的”。例如:

Anh giúp em lần này nữa thôi.

2) 表示勉强同意或接受所提到的事情 (常以thôi được, vậy thôi的形式出现), 相当于汉语的“算了, 就这么样吧”。例如:

Thôi được, cứ làm theo ý anh vậy.

3. đây: 语气词, 放在句尾, 表示行动或动作在说完话之后马上发生, 相当于汉语的“了”。例如:

Thôi, xin phép anh chị, em về đây.

4. thực ra: 副词, 表示接下来要提出的事情才是事实, 有与刚刚提及的事情相反的意思, 相当于汉语的“实际上, 说真的”。例如:

Tuy nói là không suy nghĩ gì nhưng thực ra cô ấy cũng bức xúc lắm đây.

5. vậy: 指示代词, 用于强调和指代已经知道的具体事情, 相当于汉语的“这样”。例如:

Sao vậy?

6. cất giọng: 动词, 表示“出声, 开口”。例如:

Im lặng suốt buổi, bây giờ Phong mới cất giọng đây.

7. mềm giọng: 形容词, 为达到某种目的而轻声、巧妙地说话。例如:

Sao khi nói với chồng cô ấy mềm giọng vậy?

8. **lên tiếng**: 动词, 意思为“出声, 发言, 表态”, 为表明对某个问题的态度而发表意见。例如:

Khi cô ta vừa nói xong thì chúng tôi lên tiếng phản đối ngay.

9. **nài ni (năn nỉ)**: 动词, 意思为“央求, 哀求”, 用殷切话语使别人不能拒绝自己的意愿。例如:

Bạn thử cố nài ni xem, may ra thì được việc đấy.

LUYỆN TẬP KHẨU NGỮ

1. **Hãy đọc (theo vai) đoạn hội thoại trên và trả lời câu hỏi: Hôm nay là ngày cưới của ai?** (分角色朗读以上会话并回答问题: 今天是谁结婚的日子?)
2. **Hãy đọc đoạn hội thoại lần thứ 2, sau đó vẽ sơ đồ phả hệ của gia đình chị Lan.** (再次朗读课文会话, 画出阿兰家的家谱示意图。)
3. **Những thông tin nào dưới đây phù hợp với nội dung của bài? Đánh dấu “Đ” trước thông tin phù hợp và “S” trước thông tin không phù hợp.** (下列哪些信息与课文内容相符? 请在符合的信息前标“Đ”, 不符合的信息前标“S”。)

例: Đ Lan đi ăn cưới.

- 1) Chị ruột của Lan đi lấy chồng.
- 2) Chị của Lan tên là Hoà.
- 3) Vinh đã gặp chị Vân nhiều lần.
- 4) Chị Vân 25 tuổi.
- 5) Vinh đã biết trước chị Vân bao nhiêu tuổi.
- 6) Chị Vân lấy 1 anh sinh viên cùng trường.
- 7) Lan biết rõ chồng tương lai của chị Vân.
- 8) Đám cưới được tổ chức tại nhà Lan.
- 9) Tất cả họ hàng của Lan đều có mặt tại đám cưới.
- 10) Lan có 3 anh em trai.

- 11) ____ Anh cả của Lan tên là Long.
 - 12) ____ Anh Hùng sinh năm 1982.
 - 13) ____ Các anh của Lan đều đã ra ở riêng.
 - 14) ____ Anh Hùng là anh của anh Hoà.
 - 15) ____ Lan có bác trai là anh của bố.
 - 16) ____ Bác trai của Lan đã có gia đình.
 - 17) ____ Bác ấy sinh được 2 con trai.
 - 18) ____ Chị Vân là con cả của bác ấy.
 - 19) ____ Chị Vân lớn hơn chị Hồng 5 tuổi.
- 4. Hãy trả lời các câu hỏi sau căn cứ vào nội dung bài khóa.** (根据课文内容回答下列问题。)
- 1) Các anh chị em ruột và anh chị em họ của Lan tên là gì?
 - 2) Lan sinh năm nào?
 - 3) Các anh ruột của Lan sinh năm nào?
 - 4) Anh Hoà hơn anh Hùng bao nhiêu tuổi?
 - 5) Lan kém anh Hùng bao nhiêu tuổi?
 - 6) Anh Hoà lớn hơn Lan bao nhiêu tuổi?
 - 7) Chị Vân hơn chị Hồng bao nhiêu tuổi?

LUYỆN TẬP ĐỌC-NÓI

CÂU CHUYỆN NHỚ ĐỜI

Sáng chủ nhật, tôi chở hai con đi ăn phở. Đến ngã năm đầu phố Hai Bà Trưng chạm đường Lê Duẩn, thấy đèn vàng, tôi cố vượt. Chẳng may, chưa đến giữa đường thì đèn đỏ bật. Người cảnh sát phía trước chạy ra chặn xe tôi lại, giơ tay chào, rồi yêu cầu xuống xe. Anh ta hỏi: “Chị có biết chị vi phạm gì không?”

Biết mình phạm luật, tôi mềm giọng: Dạ, tôi đã cố qua đường khi có đèn đỏ.

— Vậy, đề nghị chị cho xem giấy tờ, rồi ký biên bản nộp phạt theo quy định.

Tôi bèn cất giọng năn nỉ: Anh thông cảm. Tôi đưa cháu đi học thêm. Vội quá nên...

— Không phải mẹ đưa chúng con đi học. Mẹ bảo cho chúng con đi ăn phở — con trai tôi (gần 10 tuổi) bất ngờ lên tiếng. Thấy con nói như vậy, tôi giật cả mình. Vừa tức con, vừa buồn cười. Anh cảnh sát tuy đang làm nhiệm vụ, nhưng thấy giọng ngây thơ và thật thà của con trẻ, cũng quay đi nén cười, rồi nói: Tôi cũng rất thông cảm với chị. Nhưng quy định là quy định, chị nên chấp hành.

...Về đến nhà, nghe tôi thuật lại câu chuyện, chồng tôi cũng phì cười và bảo: “Thế là mẹ sai rồi. Mẹ nói dối. Thôi, xin lỗi con trai đi.”

Với tôi, đúng là câu chuyện nhớ đời về việc giáo dục con cái đức tính trung thực, thật thà.

TỪ NGỮ THAM KHẢO			
ngã 5	五岔路口	xem giấy tờ	查验证件
đèn (vàng, xanh, đỏ)	(黄、绿、红) 灯	ký biên bản	在记录上签字
chặn xe	拦车	phạt	罚款
xuống xe	下车	năn nỉ	恳求、央求、苦求
vi phạm (luật)	违反 (规则)	giật mình	吓了一跳
mềm giọng	柔声、低声	thật thà	诚实
qua đường	过马路	nói dối	说谎
cố vượt	闯 (红灯)	nhớ đời	永世不忘
chấp hành	执行、履行		

1. Hãy trả lời các câu hỏi sau. (回答下列问题。)

- 1) Người kể chuyện là ai trong gia đình?
- 2) Sáng chủ nhật chị ấy chở con đi đâu?
- 3) Trên xe máy có mấy người? Là những ai?
- 4) Chuyện gì đã xảy ra với chị ấy ở ngã 5 đầu phố Hai Bà Trưng?
- 5) Tại sao cảnh sát giao thông yêu cầu chị ấy xuống xe?
- 6) Tại sao chị ấy lại mềm giọng với anh cảnh sát?
- 7) Anh cảnh sát đề nghị chị ấy làm gì?
- 8) Chị ấy có nói thật với anh cảnh sát không?
- 9) Con trai của chị ấy nói gì với anh cảnh sát. Theo bạn, lý do tại sao?
- 10) Anh cảnh sát có phạt chị ấy không?
- 11) Chồng chị ấy có đồng ý với việc làm vừa rồi của chị ấy không? Tại sao bạn nghĩ như vậy?
- 12) Tại sao chị ấy phải xin lỗi con trai?
- 13) Tại sao chị ấy cho rằng, chuyện xảy ra trên đường phố là câu chuyện nhớ đời đối với chị ấy?
- 14) Bạn có đồng ý với ý kiến của tác giả bài viết không? Qua câu chuyện này bạn rút ra bài học gì cho bản thân mình.

2. Bạn hãy tưởng tượng mình là con trai của người phụ nữ này. Hãy kể lại câu chuyện xảy ra trên đường phố vừa qua. Trong vai con trai nhỏ của người phụ nữ bạn đừng quên kể lại suy nghĩ của mình khi mẹ bạn nói dối chú cảnh sát cũng như giải thích rõ tại sao bạn lại phản ứng như vậy. (假设你是那个妇女的儿子, 叙述刚才在路上发生的事情。请从文中儿子的角度来描述当听到妈妈对警察叔叔说谎时你的想法, 并说明你为什么会有这样的反应。)

3. Sau khi đọc bài này hãy trả lời câu hỏi: Bài đọc này nói về điều gì? (请朗读下列课文, 回答问题: 这篇课文主要介绍什么?)

BÀI TẬP

I. BÀI TẬP TỔNG HỢP

1. Hãy dùng “mà, đâu mà, cơ mà” viết tiếp các câu cho phù hợp với các tình huống sau. (用“mà/đâu mà/cơ mà”来续写句子, 使之符合下列各句的情况。)

- 1) Mẹ đưa các con đi ăn phở, nhưng khi gặp chú cảnh sát, lại nói với chú ấy là đưa các con đi học hem. Con trai nói:
- 2) Bà bảo cháu không được đi chơi vì chưa học bài xong. Thực tế cháu đã thuộc bài rồi. Cháu nói với bà:
- 3) Bạn đã gọi điện báo cho anh trai nhưng chị dâu nói là anh ấy vẫn chưa biết gì cả. Bạn nói:
- 4) Khoa đã thông báo lại là lịch thi chuyển sang thứ tư tuần sau. Anh Tùng không biết nên hôm nay vẫn cứ đi thi. Thư ký của Khoa nói với anh Tùng:
- 5) Có bạn Việt Nam nói Há cảo(饺子) của Trung Quốc giống bánh chưng của Việt Nam. Bạn đã ăn bánh chưng Việt Nam rồi nên bạn nói:

2. Hãy dùng các từ “vậy, thôi, đây, thực ra” điền vào chỗ trống trong những câu sau đây. (用“vậy, thôi, đây, thực ra”填空。)

- 1) Anh ấy chỉ cần vay hem 30 triệu nữa... là đủ tiền mua ô tô.
- 2) Bác vừa nói đến cuốn sách nào...?
- 3) Thôi mệt quá rồi. Chúng em đi nghỉ...?
- 4) ... chúng tôi cũng không muốn làm phiền anh chị đâu, nhưng việc gấp quá rồi. Xin anh chị cố giúp.

3. Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống. (选词填空。)

- 1) Tôi... ông ấy mới đồng ý bán với giá này đây (nài nỉ, lên tiếng)
- 2) Gặp phải tình huống này thì đành phải... với họ thôi (cất giọng, mềm giọng)
- 3) Đùng... vô ích. Không có kết quả gì đâu. (lên tiếng, nài nỉ)
- 4) Nhường nhịn mãi không được đâu. Đành phải... thôi (mềm giọng, lên tiếng)

4. Chuyển đổi các câu sau theo mẫu. (按照例句转换下列句子。)

例: Chị Vân là con cả.

Chị Vân là con đầu.

- 1) Các anh ấy đã có gia đình.
- 2) Các anh ấy ra ở riêng.
- 3) Chị Hồng kém chị Vân 4 tuổi.
- 4) Tất cả cháu của bà nội chỉ có bấy nhiêu thôi.
- 5) Bây giờ tôi đang học năm cuối ở đại học.

II. BÀI TẬP ĐỌC-NÓI

ĐÓNG XE KÉO CHỖ MẸ ĐI CHƠI KHẮP TRUNG QUỐC

Báo hiếu mẹ già bằng việc đóng hẳn một chiếc xe kéo để đưa mẹ đi chơi khắp Trung Quốc quả là chuyện hy hữu về lòng hiếu thảo điển hình của con cái với cha mẹ. Tuy nhiên đây lại là chuyện có thật xảy ra tại huyện Lan Tây tỉnh Hắc Long Giang miền Bắc Trung Quốc.

Vương Khải Hòa 56 tuổi và Vương Nhuệ 54 tuổi, họ đã để ra nửa năm trời để làm chiếc xe có mui che, chở bà mẹ 78 tuổi đi chơi khắp Trung Quốc, đáp ứng ước mơ của mẹ mình.

Mấy năm trước cha mẹ của họ từng đã ước mơ được đi khắp đất nước Trung Quốc. Tuy nhiên, năm ngoái cụ ông mất, cả hai anh em không muốn mẹ thất vọng đã tự mình chế tạo ra chiếc xe có mui hai bánh đặc biệt, trước sau có tay kéo mang tên “cám ơn” in phía trước. Mui xe có thể đóng mở và bốn góc mui có đính hình bốn con rồng. Trong xe có kê chiếc giường hai tầng đủ cho ba mẹ con ngủ.

Chuyến đi bắt đầu vào cuối tháng 9 vừa qua với điểm xuất phát từ tỉnh Hắc Long Giang, tới nay đã được 40 ngày, vượt qua 750 km, qua các tỉnh Hắc Long Giang, Cát Lâm và Liêu Ninh.

Hàng ngày vào lúc 5 giờ sáng họ bắt đầu kéo xe khởi hành, tới tối lại vào xe ngủ. Trung bình mỗi ngày họ đi được 38 km. Tới mỗi nơi, họ đều cố gắng giới thiệu

phong cảnh và nhân tình thế thái, mua đặc sản địa phương cho mẹ thưởng thức. Đầu tháng 11, chiếc xe đã chạy qua Quảng trường Thiên An Môn Bắc Kinh, tiếp tục hướng Nam tới Hồng Kông, Ma Cao, sau đó sẽ quay trở lại Bắc Kinh, đưa mẹ đi xem Thế vận hội.

“Mẹ nuôi ta bằng dòng sữa mẹ, ta báo đáp mẹ bằng những giọt mồ hôi...” Tâm sự của hai anh em họ Vương trong việc thể hiện lòng hiếu thảo của mình đã làm nhiều người qua đường phải cảm động, nên đã sẵn lòng giúp đỡ họ sửa chữa xe, quỳen góp tiền hỗ trợ về kinh tế... Hai anh em cho hay : “Họ, những người đồng hành luôn cố vũ động viên giúp đỡ chúng tôi khi thấy chúng tôi vất vả kéo xe qua núi non đường dốc, trơn, khiến chúng tôi càng thêm tin tưởng để kéo xe tới hôm nay”. Bà Vương, trước tấm lòng báo hiếu của hai con cũng cho hay : “Ngồi trên xe do chúng kéo thật chắc chắn và dễ chịu, song tôi cũng cảm thấy áy náy và lo cho chúng vất vả...”.

1. Dựa vào bài đọc, trả lời các câu hỏi sau đây. (根据课文内容回答下列问题。)

- 1) Anh em họ Vương báo hiếu mẹ già bằng cách nào?
- 2) Chuyện này xảy ra ở đâu ?
- 3) Tại sao anh em họ Vương lại quyết định đóng xe chở mẹ đi chơi khắp Trung Quốc?
- 4) Chiếc xe này có gì khác so với các xe kéo khác ?
- 5) Chiếc xe chở mẹ có hành trình thế nào ? Sẽ về đích ở đâu và bao giờ ?
- 6) Ai giúp anh em họ Vương thực hiện chuyến du lịch báo hiếu ? Tại sao ?
- 7) Bạn có thể đặt các tiêu đề nào khác cho bài đọc này ? Hãy giải thích về sự lựa chọn của bạn.
- 8) Bạn có đồng ý với câu nói “Mẹ nuôi ta bằng dòng sữa mẹ, ta báo đáp mẹ bằng những giọt mồ hôi...” không? Tại sao?

2. Bạn hãy dùng sơ đồ miêu tả lộ trình của anh em Họ Vương trong hành trình, chở mẹ đi chơi khắp Trung Quốc. (请用略图描述王姓兄妹载母亲游遍中国的行程。)